

Sổ tay

TÌM HIỂU VỀ AN SINH XÃ HỘI



The Asia Foundation

SỔ TAY

TÌM HIỂU VỀ AN SINH XÃ HỘI

Tài liệu này được Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI) chủ trì biên soạn với sự hỗ trợ kỹ thuật của các luật sư và Văn phòng Luật Bình An, do Qũy Châu Á và Văn phòng Quyền Lao động thuộc Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tài trợ.

Bản quyền tài liệu thuộc Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI). Tài liệu có thể được sao chép, lưu hành, sử dụng cho các mục đích phi thương mại song phải bảo lưu tính toàn vẹn của tài liệu không làm sai lệch nội dung thông tin.

Trong xu thế công nghiệp hóa, toàn cầu hóa ngày càng mạnh mẽ của nền kinh tế, số lượng người lao động di cư ngày càng tăng lên, đặc biệt là người lao động di cư từ nông thôn ra thành phố và các đô thị. Môi trường sống thay đổi khiến họ phải đối mặt với nhiều khó khăn và rủi ro trong cuộc sống. Mặt khác, do nhận thức và kiến thức chưa đầy đủ, họ rất dễ gặp phải những nguy cơ ảnh hưởng đến quyền lợi, an toàn tài sản và thậm chí cả tính mạng của bản thân, dẫn tới tác động không tốt đến kinh tế - xã hội cả ở nơi đến và nơi đi.

Với mục đích thúc đẩy công tác phổ biến kiến thức và hỗ trợ cho người lao động di cư, một bộ tài liệu gồm 4 cuốn sách về các chủ đề thiết thực được biên soạn nhằm giúp người lao động nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật khi tham gia thị trường lao động cũng như hòa nhập, phát triển tốt hơn trong môi trường sống và làm việc mới.

Bộ tài liệu bao gồm:

- *Sổ tay: Kiến thức về pháp luật lao động:* cập nhật các quy định về hợp đồng lao động, tiền lương, thời gian làm việc và nghỉ ngơi, an toàn lao động, kỷ luật lao động, đình công, khiếu nại - khiếu kiện, chính sách cho lao động nữ...
- *Sổ tay: Tim hiểu về an sinh xã hội:* cung cấp thông tin về các chế độ và quy định an sinh xã hội như đăng ký tạm trú, thủ tục hộ tịch, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...
- *Sổ tay: Sống khỏe:* cung cấp các hướng dẫn cơ bản về sức khỏe sinh sản, tình dục, các vấn đề về tình yêu - hôn nhân và các địa chỉ chăm sóc sức khỏe tin cậy...
- *Sổ tay: Kỹ năng cần thiết trong công việc:* kiến thức về kỹ năng tìm việc, các kỹ năng làm việc hiệu quả và những điều cần lưu ý khi làm việc xa nhà.

Nội dung các tài liệu được thiết kế dưới dạng Hỏi - Đáp, với những thông tin và giải thích ngắn gọn, súc tích. Các câu hỏi là những tình huống có thật, được người lao động gửi đến trang web www.laodongxanh.net và câu trả lời do đội ngũ luật sư và chuyên gia thực hiện.

Trung tâm Phát triển và Hội nhập xin chân thành cảm ơn Quý Châu Á và Văn phòng Quyền lao động thuộc Bộ ngoại giao Hoa Kỳ (Đơn vị điều hành và tài trợ dự án), các cơ quan nhà nước, mạng lưới luật sư và các chuyên gia đã hỗ trợ Trung tâm trong quá trình biên soạn và xuất bản bộ sách này. Hy vọng bộ sách sẽ trở thành tài liệu tham khảo hữu ích và thân thiện với người lao động!

Mục lục

TÌM HIỂU VỀ AN SINH XÃ HỘI

I. NHÀ Ở VÀ ĐĂNG KÝ TẠM TRÚ	8
❓ Hợp đồng thuê nhà có phải công chứng hay không?	9
❓ Khi lập hợp đồng thuê nhà cần lưu ý những vấn đề gì?	9
❓ Thủ tục thuê nhà ở xã hội như thế nào?	10
❓ Hồ sơ thuê nhà ở xã hội cần những loại giấy tờ nào?	11
❓ Ai phải khai báo tạm vắng?	11
❓ Những giấy tờ cần thiết để đăng ký tạm trú?	12
❓ Cơ quan nào cấp đăng ký tạm trú?	13
II. HỘ TỊCH	15
❓ Thủ tục đăng ký kết hôn được quy định như thế nào?	17
❓ Đăng ký khai sinh cho trẻ em ở đâu?	17
❓ Khai sinh cho con ngoài giá thú?	19
❓ Đăng ký khai sinh quá hạn phải làm như thế nào?	19
III. BẢO HIỂM XÃ HỘI	20
❓ Bảo hiểm xã hội một lần được thực hiện như thế nào?	22
❓ Chế độ thai sản được quy định như thế nào?	23
❓ Chế độ ốm đau được tính như thế nào?	23
❓ Quy định về chế độ tai nạn lao động?	25
IV. BẢO HIỂM Y TẾ	29
❓ Mức hưởng bảo hiểm y tế?	31
❓ Những trường hợp nào không được bảo hiểm y tế?	32
❓ Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện?	33
❓ Tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện như thế nào?	34
❓ Quyền lợi của người đóng bảo hiểm y tế tự nguyện?	35

V. BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP	37
❓ Đối tượng được hưởng trợ cấp thất nghiệp?	39
❓ Mức đóng bảo hiểm thất nghiệp?	39
❓ Điều kiện và thủ tục để hưởng bảo hiểm thất nghiệp?	40
❓ Quyền lợi khi tham gia bảo hiểm thất nghiệp?	41
❓ Thủ tục, hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp?	42
❓ Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định tại Luật việc làm năm 2013?	42
❓ Chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định mới năm 2015?	43

DANH MỤC VIẾT TẮT

BH:	Bảo hiểm
BHXH:	Bảo hiểm xã hội
BHTN:	Bảo hiểm thất nghiệp
BHYT:	Bảo hiểm y tế
BHYTTN:	Bảo hiểm y tế tự nguyện
HĐLĐ:	Hợp đồng lao động
NLĐ:	Người lao động
NSDLĐ:	Người sử dụng lao động
SỞ LĐTB&XH:	Sở lao động thương binh và xã hội
TCTN:	Trợ cấp thất nghiệp
TNLĐ:	Tai nạn lao động
TTGTVL:	Trung tâm giới thiệu việc làm
UBND:	Ủy ban nhân dân



I. NHÀ Ở VÀ ĐĂNG KÝ TẠM TRÚ

❓ Hợp đồng thuê nhà có phải công chứng hay không?

Tôi đang công tác tại Hà Nội, điều kiện chưa cho phép mua nhà nên vợ chồng chúng tôi phải thuê nhà với thời hạn là 2 năm. Vậy hợp đồng thuê nhà của tôi có phải công chứng hay chứng thực không?

Trả lời:

Điều 492 Bộ luật Dân sự quy định về hình thức hợp đồng thuê nhà ở như sau: “Hợp đồng thuê nhà ở phải được lập thành văn bản, nếu thời hạn thuê từ sáu tháng trở lên thì phải có công chứng hoặc chứng thực và phải đăng ký, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Căn cứ quy định trên, hợp đồng của bạn là hợp đồng thuê nhà có thời hạn trên sáu tháng vì vậy phải được lập thành văn bản và phải công chứng. Tuy nhiên, Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 10/12/2010 tại điểm 28 mục III đã quy định bãi bỏ quy định bắt buộc công chứng một số hợp đồng trong đó có hợp đồng thuê nhà ở.

Như vậy, hiện nay, hợp đồng cho thuê nhà ở, không phụ thuộc vào thời hạn thuê là bao lâu, đều không bắt buộc phải công chứng. Bạn có thể tự lập hợp đồng cho thuê nhà ở theo thỏa thuận với bên thuê mà không phải công chứng hợp đồng đó. Tuy nhiên, để đảm bảo tính chặt chẽ của hợp đồng cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, bạn vẫn có thể tự nguyện yêu cầu công chứng hợp đồng này nếu cần.

❓ Khi lập hợp đồng thuê nhà cần lưu ý những vấn đề gì?

Khi thuê nhà cần phải lập thành hợp đồng nhưng khi đề nghị thì chủ nhà viết tay cho mấy chữ với nội dung là cho thuê nhà với giá cả và thời hạn thuê. Vậy xin hỏi một hợp đồng thuê nhà cần lưu ý những điều khoản nào?

Trả lời:

Theo quy định của Bộ luật Dân sự thì một hợp đồng dân sự thường bao gồm các điều khoản cơ bản như: đối tượng của hợp đồng, giá cả, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên, thời hạn hợp đồng, chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên đối với hợp đồng thuê nhà ở, cần lưu ý những vấn đề sau:

- Giá thuê nhà;
- Diện tích sử dụng chung và riêng;

- Giá điện, nước (nhiều chủ nhà thường tính giá điện kinh doanh cao hơn so với quy định)

- Điều kiện kết thúc hợp đồng: Chỉ cần báo trước 1 tháng hay sẽ mất tiền cọc?

🔍 Thủ tục thuê nhà ở xã hội như thế nào?

Anh B làm công nhân tại công ty của nhà nước hỏi: Thu nhập cả hai vợ chồng tôi không cao. Nay nghe tin nhà nước có xây nhà xã hội và cho người thu nhập thấp thuê, tôi xin hỏi thủ tục thuê như thế nào?

Trả lời:

Trước hết, anh phải đối chiếu xem mình có thuộc diện đối tượng được thuê nhà ở xã hội hay không (xem thêm câu hỏi phía dưới). Nếu thuộc diện được thuê nhà ở xã hội thì anh chị cần chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật và tiến hành nộp hồ sơ tại Sở xây dựng.

Sở Xây dựng xem xét nhận từng hồ sơ đăng ký, đối chiếu với các quy định về đối tượng, điều kiện, thứ tự ưu tiên theo quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Thông tư 36/2009/TT-BXD ngày 16/11/2009 để lập danh sách đối tượng được thuê nhà ở xã hội.

Khi người có nhu cầu nộp hồ sơ, người nhận hồ sơ phải ghi giấy biên nhận. Nếu Hồ sơ chưa hợp lệ (chưa đúng theo quy định), người nhận hồ sơ có trách nhiệm ghi rõ lý do chưa giải quyết và trả lại cho người nộp hồ sơ để thực hiện việc bổ sung, hoàn thiện trong thời gian tối đa không vượt quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày trả lại hồ sơ.

Mỗi hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu thuê nhà ở xã hội chỉ được nộp đơn đăng ký tại một dự án. Trong trường hợp dự án không còn quỹ nhà để cho thuê thì chủ đầu tư nêu rõ lý do và trả lại hồ sơ để người có nhu cầu nộp tại dự án khác. Việc thanh toán nhà ở xã hội do người thuê nhà thực hiện trực tiếp với chủ đầu tư hoặc thực hiện thông qua ngân hàng do chủ đầu tư và người thuê nhà tự thống nhất, thỏa thuận.

Sau khi ký hợp đồng cho thuê nhà ở xã hội (theo nội dung quy định tại Điều 7 của Thông tư nêu trên), chủ đầu tư dự án có trách nhiệm lập đầy đủ danh sách các đối tượng (bao gồm cả các thành viên trong hộ) đã được thuê nhà ở xã hội (đã được ký hợp đồng) gửi về Sở Xây dựng nơi có dự án để công bố công khai trong thời hạn 30 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được danh sách

này) và lưu trữ để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra (hậu kiểm). Đồng thời, chủ đầu tư có trách nhiệm công bố công khai danh sách này tại trụ sở làm việc của chủ đầu tư hoặc trang web về nhà ở xã hội của chủ đầu tư (nếu có).

🔍 Hồ sơ thuê nhà ở xã hội cần những loại giấy tờ nào?

Tôi cần chuẩn bị những giấy tờ gì để thuê được nhà ở xã hội?

Trả lời:

Theo quy định tại Thông tư số 36/2009/TT-BXD ngày 16/11/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc bán, cho thuê, cho thuê mua và quản lý sử dụng nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị; hồ sơ gồm có:

- Đơn đăng ký thuê nhà ở xã hội (theo mẫu quy định tại phụ lục số 01 Thông tư số 36/2009/TT-BXD ngày 16/11/2009 - Giấy xác nhận về hộ khẩu và thực trạng nhà ở (theo mẫu quy định tại phụ lục số 01a Thông tư nêu trên do UBND cấp phường xác nhận;

- Giấy xác nhận về đối tượng và mức thu nhập (theo mẫu quy định tại phụ lục số 01b Thông tư nêu trên do cơ quan, đơn vị nơi từng thành viên trong hộ gia đình đang làm việc xác nhận.

Lưu ý: Chỉ những đối tượng sau mới thuộc diện được thuê nhà ở xã hội:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được mua, thuê nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức hoặc có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng diện tích bình quân trong hộ gia đình dưới 5m² sàn/người hoặc là nhà ở tạm bợ, hư hỏng, dột nát;

- Có mức thu nhập bình quân hàng tháng của hộ gia đình diện thu nhập thấp theo quy định của UBND tỉnh, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 37 Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ.

🔍 Ai phải khai báo tạm vắng?

Tôi quê ở Hải Dương, lên Hà Nội làm nghề xe ôm. Khi tôi đi làm thủ tục đăng ký tạm trú thì họ yêu cầu tôi trình giấy tạm vắng tại địa phương. Về địa phương xin thì họ không cho và nói rằng tôi không thuộc diện phải khai báo tạm vắng. Vậy xin hỏi luật quy định về vấn đề này thế nào? Tôi đi đi lại lại tốn quá nhiều thời gian và tiền bạc.

Trả lời:

Căn cứ Điều 32 Luật Cư trú năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2013, các đối tượng phải khai báo tạm vắng bao gồm:

- (1) Bị can, bị cáo đang tại ngoại;
- (2) Người bị kết án phạt tù nhưng chưa có quyết định thi hành án hoặc được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù;
- (3) Người bị kết án phạt tù được hưởng án treo; người bị phạt cải tạo không giam giữ; người đang bị quản chế;
- (4) Người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;
- (5) Người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ thi hành;
- (6) Người trong độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự, dự bị động viên đi khỏi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi mình cư trú.

Đối với các đối tượng từ (1) đến (5) phải khai báo tạm vắng khi đi khỏi nơi cư trú 01 ngày trở lên.

Đối với đối tượng (6) chỉ phải khai báo tạm vắng khi đi khỏi nơi cư trú từ 03 tháng trở lên.

Địa điểm khai báo tạm vắng là trụ sở công an xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú. Người đi khai báo tạm vắng mang theo chứng minh nhân dân và ghi thông tin vào phiếu khai báo tạm vắng.

Như vậy, theo quy định trên, người hỏi không thuộc trường hợp phải khai báo tạm vắng tại địa phương. Việc yêu cầu nộp giấy khai báo tạm vắng để đăng ký tạm trú là không đúng quy định.

🔍 Những giấy tờ cần thiết để đăng ký tạm trú?

Sau 5 năm làm ăn sinh sống tại Hà Nội tôi đã lập gia đình và nay cháu đã đến tuổi đi học. Chúng tôi muốn xin cho cháu học một trường cấp 1 tại Hà Nội nhưng khi xin học họ lại đề nghị xuất trình sổ đăng ký tạm trú. Vậy để đăng ký tạm trú thì cần những giấy tờ gì?

Trả lời:

Căn cứ Điều 30 Luật cư trú năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2013 hồ sơ đăng ký tạm trú có những giấy tờ sau:

- (1) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu; bản khai nhân khẩu;
- (2) Một trong số các giấy tờ theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật cư trú dưới đây để chứng minh chỗ ở hợp pháp:

- Giấy tờ chứng minh chỗ ở hợp pháp thuộc quyền sở hữu của công dân như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu tài sản trên đất, quyết định của tòa án, giấy phép xây dựng, hợp đồng mua bán nhà với nhà nước, hợp đồng mua bán, tặng cho, thừa kế có xác nhận của UBND xã...;

- Giấy tờ chứng minh việc cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ chỗ ở hợp pháp (nếu là nhà của cá nhân thì không cần chứng thực hoặc công chứng);

- Giấy tờ của cơ quan, tổ chức, cơ sở tôn giáo về việc công dân có chỗ ở;

- Giấy tờ của cơ quan, tổ chức do thủ trưởng cơ quan, tổ chức ký tên, đóng dấu chứng minh về việc được cấp, sử dụng nhà ở, chuyển nhượng nhà ở, có nhà ở tạo lập trên đất do cơ quan, tổ chức giao đất để làm nhà ở (đối với nhà ở, đất thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức).

- Trường hợp không có giấy tờ nơi trên, công dân có thể dùng văn bản cam kết của mình về việc có chỗ ở thuộc quyền sử dụng của mình và không có tranh chấp về quyền sử dụng.

Khi đi đăng ký tạm trú, công dân mang theo giấy tờ tùy thân như chứng minh nhân dân, hộ chiếu, bằng tốt nghiệp... để chứng minh về nhân thân.

🔍 Cơ quan nào cấp đăng ký tạm trú?

Sau khi chuẩn bị đầy đủ các loại giấy tờ, công dân đi đăng ký tạm trú ở đâu?

Trả lời:

Địa điểm đăng ký tạm trú là nơi công dân đang sinh sống, học tập, làm việc mà không phải là địa phương đăng ký thường trú.

Người có thẩm quyền giải quyết việc đăng ký tạm trú là Trưởng Công an xã, phường, thị trấn.

(Điều 30, Luật cư trú năm 2006)

Các bước đăng ký tạm trú gồm:

- Bước 1: Công dân thu thập đủ giấy tờ theo yêu cầu về hồ sơ và đến trụ sở Công an xã, phường, thị trấn để nộp hồ sơ đăng ký tạm trú;
- Bước 2: Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận và xem xét hồ sơ đăng ký tạm trú;
- Bước 3: Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật, trưởng công an xã, phường, thị trấn sẽ cấp Sổ tạm trú.



II. HỘ TỊCH

❓ Thủ tục đăng ký kết hôn được quy định như thế nào?

Sau một thời gian tìm hiểu, chúng tôi đi đến quyết định kết hôn. Do chúng tôi cư trú mỗi người một xã khác nhau nên khi đăng ký, xã tôi yêu cầu phải có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bạn gái. Như vậy, yêu cầu này là đúng hay sai?

Trả lời:

Theo điều 18 của Nghị định 158/2005 sửa đổi tại Nghị định 06/2012thủ tục đăng ký kết hôn gồm:

“1. Khi đăng ký kết hôn, hai bên nam, nữ phải nộp Tờ khai (theo mẫu quy định) và xuất trình Giấy chứng minh nhân dân.

Trong trường hợp một người cư trú tại xã, phường, thị trấn này, nhưng đăng ký kết hôn tại xã, phường, thị trấn khác, thì phải có xác nhận của UBND cấp xã, nơi cư trú về tình trạng hôn nhân của người đó.

Việc xác nhận tình trạng hôn nhân nói trên có thể xác nhận trực tiếp vào Tờ khai đăng ký kết hôn hoặc bằng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

Việc xác nhận tình trạng hôn nhân có giá trị 6 tháng, kể từ ngày xác nhận.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ, nếu xét thấy hai bên nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, thì UBND cấp xã đăng ký kết hôn cho hai bên nam, nữ.

Trong trường hợp cần phải xác minh, thời hạn nói trên được kéo dài thêm không quá 05 ngày.”

Như vậy việc UBND xã của anh yêu cầu bạn gái anh phải có xác nhận tình trạng hôn nhân là phù hợp với quy định của pháp luật.

❓ Đăng ký khai sinh cho trẻ em ở đâu?

Chị Nguyễn Thị M hỏi: Hộ khẩu của tôi ở Ý Yên, Nam Định. Từ năm 2010 tôi đã đăng ký tạm trú ở Hà Nội. Nay tôi sinh cháu ở Hà Nội thì có thể đăng ký khai sinh cho cháu ở phường nơi tôi tạm trú được không?

Trả lời:

Căn cứ Điều 23 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2005, trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em thuộc về cha mẹ, người giám hộ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cụ thể:

- Về thời hạn đăng ký khai sinh: 60 ngày, kể từ ngày sinh con, cha, mẹ có trách nhiệm đi khai sinh cho con; nếu cha, mẹ không thể đi khai sinh, thì ông, bà hoặc những người thân thích khác đi khai sinh cho trẻ em (Điều 14 Nghị định 158/2005/NĐ-CP).

- Về thẩm quyền đăng ký khai sinh: UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú của người mẹ có thẩm quyền đăng ký khai sinh cho mẹ. Hoặc;

- Nếu không xác định được nơi cư trú của người mẹ, thì UBND cấp xã, nơi cư trú của người cha thực hiện việc đăng ký khai sinh.

- Trong trường hợp không xác định được nơi cư trú của người mẹ và người cha, thì UBND cấp xã, nơi trẻ em đang sinh sống trên thực tế thực hiện việc đăng ký khai sinh.

- Trường hợp người mẹ có nơi đăng ký thường trú, nhưng thực tế đang sinh sống, làm việc ổn định tại nơi đăng ký tạm trú, thì UBND cấp xã, nơi người mẹ đăng ký tạm trú cũng có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh cho trẻ em. Trong trường hợp này, UBND cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh có trách nhiệm thông báo cho UBND cấp xã, nơi người mẹ đăng ký thường trú để biết. Cột ghi chú của Sổ đăng ký khai sinh phải ghi rõ “Đăng ký khai sinh theo nơi tạm trú của người mẹ”.

Theo Điều 13, Nghị định 158/2005/NĐ-CP và Thông tư 01/2008 của Bộ Tư pháp ngày 2/6/2008 thủ tục làm giấy khai sinh bao gồm Giấy tờ phải nộp cho UBND xã:

- ✓ Tờ khai (theo mẫu)
- ✓ Giấy chứng sinh do cơ sở y tế, nơi trẻ em sinh ra cấp.
- ✓ Giấy tờ phải XUẤT TRÌNH cho UBND xã để xem:
- ✓ Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn). Trong trường hợp cán bộ Tư pháp hộ tịch biết rõ về quan hệ hôn nhân của cha mẹ trẻ em, thì không bắt buộc phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn

(Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 06/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực được sửa đổi, bổ sung)- Đây là căn cứ cho nội dung gì?

❓ Khai sinh cho con ngoài giá thú?

Em làm công nhân may ở Hưng Yên. Em và anh T yêu nhau được 4 tháng, nhưng do tin tưởng anh T nên em đã trao thân cho anh ấy. Khi biết tin em có thai, anh T đã bỏ em và đi biệt tích đến nay không biết ở đâu. Sắp đến ngày sinh cháu, em rất lo là không đăng ký khai sinh cho cháu được. Vậy xin hỏi trường hợp của em thì con em có đăng ký khai sinh được không?

Trả lời:

Căn cứ Điều 13 và khoản 3 Điều 15 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch, việc khai sinh cho con ngoài giá thú được thực hiện như sau:

- Cơ quan có thẩm quyền đăng ký khai sinh là UBND xã, phường, thị trấn nơi người mẹ cư trú (thường trú hoặc tạm trú). Bạn có thể xem thêm tình huống nêu trên;

- Người đi đăng ký khai sinh phải nộp giấy chứng sinh hoặc giấy tờ được phép thay thế cho giấy chứng sinh;

- Nếu không xác định được người cha thì bỏ trống phần liên quan đến người cha.

❓ Đăng ký khai sinh quá hạn phải làm như thế nào?

Do mãi mê làm ăn kinh doanh và thiếu hiểu biết pháp luật, khi sinh con, chúng tôi không đi đăng ký khai sinh cho con. Nay cháu đi học, nhà trường yêu cầu phải có Giấy khai sinh. Vậy chúng tôi phải làm thế nào trong trường hợp này?

Trả lời:

Trường hợp này theo quy định của pháp luật được gọi là đăng ký khai sinh quá hạn. Thẩm quyền đăng ký khai sinh quá hạn tại khoản 1 điều 44 Nghị định 158/2005/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau: UBND cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (Điều 44, 45 NĐ 158/2005). Nếu không có hoặc chưa có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký hộ khẩu tạm trú có thời hạn thì UBND cấp xã nơi đương sự đăng ký hộ khẩu tạm trú có thời hạn thực hiện việc đăng ký khai sinh quá hạn.

Khi đi đăng ký khai sinh quá hạn, chị phải nộp cho UBND xã những loại giấy tờ sau:

- Đơn xin đăng ký khai sinh quá hạn (theo mẫu của Nhà nước);
- Giấy chứng sinh của trẻ do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp.

Đồng thời, chị phải xuất trình cho UBND xã xem các loại giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn).
- Sổ hộ khẩu gia đình (hoặc Giấy đăng ký tạm trú có thời hạn, Giấy xác nhận cư trú của cơ quan Công an) của người mẹ;
- Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế của người đi đăng ký khai sinh.

(Theo Điều 1, Nghị định số 06/2011/NĐ-CP nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực).



III. BẢO HIỂM XÃ HỘI

🔍 Bảo hiểm xã hội một lần được thực hiện như thế nào?

Tôi đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội được 19 năm liên tục. Nay do sức khỏe yếu nên tôi muốn nghỉ ngơi. Vậy xin hỏi trường hợp của tôi có thể về hưởng BHXH một lần được không?

Trả lời:

- Thứ nhất về điều kiện hưởng BHXH một lần:
 - Đủ tuổi hưởng lương hưu mà chưa đủ 20 năm đóng BH
 - Suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên mà chưa đủ 20 năm đóng

BH

- Sau 1 năm nghỉ việc nếu không tiếp tục đóng BHXH và có yêu cầu nhận BHXH một lần mà chưa đủ 20 năm đóng BH.

- Ra nước ngoài định cư.
- Thứ hai, về mức hưởng

Mức hưởng được tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội, cứ mỗi năm tính bằng 1,5 tháng mức bình quân tiền lương, tiền công đóng BHXH.

- Thứ ba, về thủ tục, hồ sơ

- Sổ BHXH

- Giấy tờ cho các trường hợp sau:

+ Đủ tuổi hưởng lương hưu nhưng chưa đủ 20 năm đóng BHXH: Quyết định nghỉ việc (bản chính hoặc bản sao) hoặc quyết định thôi việc (bản chính hoặc bản sao) hoặc văn bản chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng lao động hết hạn.

+ Đủ tuổi hưởng lương hưu nhưng chưa đủ 20 năm đóng BHXH: Quyết định nghỉ việc (bản chính hoặc bản sao) hoặc quyết định thôi việc (bản chính hoặc bản sao) hoặc văn bản chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng lao động hết hạn.

+ Đối với người ra nước ngoài để định cư: Bản dịch Tiếng Việt được công chứng của Bản sao Bản thị thực nhập cảnh được lưu trú dài hạn hoặc Thẻ thường trú hoặc Giấy xác nhận lưu trú dài hạn do cơ quan có thẩm quyền nước sở tại cấp.

+ Sau một năm nghỉ việc nếu không tiếp tục đóng BHXH, có yêu cầu nhận BHXH 1 lần mà chưa đủ 20 năm đóng BHXH và người đang tham gia BHXH tự nguyện (kể cả bảo lưu thời gian đóng BHXH): Đơn đề nghị hưởng BHXH một lần (mẫu số 14-HSB)- mẫu này có trong quy định nào ?

❓ Chế độ thai sản được quy định như thế nào?

Tôi đang mang bầu 8 tháng, dự kiến gần 1 tháng nữa sẽ sinh cháu đầu lòng. Tôi có hỏi cán bộ công đoàn của công ty về chế độ hưởng thai sản nhưng chị ấy nói rằng vì mới làm nên cũng không rõ chế độ chính sách như thế nào. Xin luật sư cho biết chế độ cho người phụ nữ mang thai và sinh con như thế nào?

Trả lời:

Luật BHXH đã quy định cụ thể đối tượng được hưởng chế độ thai sản bao gồm: lao động nữ mang thai hoặc sinh con, nhận nuôi con dưới 4 tháng tuổi.

Pháp luật cũng đã quy định các chế độ như sau:

- Về ngày nghỉ trong quá trình mang thai và sau khi sinh:

+ Đối với khám thai tính theo ngày làm việc, nếu ngày nghỉ trùng vào các ngày nghỉ hàng tuần, lễ, Tết thì không được tính hưởng trợ cấp): tối đa nghỉ 5 lần trong một thai kì, mỗi lần khám nghỉ 1 ngày.

+ Nghỉ sau khi sinh là 6 tháng

- Về mức hưởng

+ Mức trợ cấp bằng 100% mức bình quân tiền lương, tiền công tháng đóng BHXH của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc.

- Về thủ tục, hồ sơ:

+ Sổ BHXH, Giấy chứng sinh hoặc Giấy khai sinh (bản sao); nếu sau sinh con chết thì có thêm Giấy báo tử hoặc Giấy chứng tử (có thể thay bằng bệnh án).

❓ Chế độ ốm đau được tính như thế nào?

Nếu vì lý do sức khỏe yếu, không thể đi làm việc thường xuyên được thì pháp luật quy định chế độ ốm đau được hưởng bảo hiểm như thế nào?

Trả lời:

- Về điều kiện được hưởng

+ Bản thân ốm đau, tai nạn rủi ro phải nghỉ việc và có xác nhận của cơ sở y tế.

+ Có con dưới bảy tuổi bị ốm đau phải nghỉ việc để chăm sóc, có xác nhận của cơ sở y tế.

** Lưu ý: Trường hợp ốm đau, tai nạn phải nghỉ việc do tự hủy hoại sức khỏe, do say rượu hoặc sử dụng ma túy, chất gây nghiện khác thì không được hưởng chế độ ốm đau.*

- Về quyền lợi được hưởng

+ Thời gian nghỉ ngơi:

✓ Trong điều kiện bình thường

30 ngày (tham gia BHXH dưới 15 năm).

40 ngày(tham gia BHXH từ 15 năm đến dưới 30 năm).

60 ngày (tham gia BHXH đủ 30 năm trở lên).

✓ Trong điều kiện nặng nhọc độc hại, phụ cấp khu vực từ 0,7 trở lên:

40 ngày/năm nếu đã đóng BHXH dưới 15 năm.

50 ngày/năm nếu đã đóng BHXH từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm.

70 ngày/năm nếu đã đóng BHXH từ đủ 30 năm trở lên.

✓ Đối với trường hợp bị bệnh dài ngày (theo danh mục Bệnh dài ngày của Bộ Y tế)

Tối đa 180 ngày/năm trong một năm.

Sau 180 ngày mà vẫn tiếp tục điều trị thì được hưởng tiếp chế độ ốm đau với mức thấp hơn.

+ Ngày nghỉ nào được hưởng trợ cấp:

✓ Ngày nghỉ ốm đau, hoặc nghỉ chăm sóc con ốm được trợ cấp theo ngày làm việc. Nếu những ngày nghỉ này trùng với ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ, Tết thì không được nghỉ bù để tính hưởng trợ cấp.

✓ Ngày nghỉ ốm đau do bệnh dài ngày, nghỉ dưỡng sức, được tính hưởng trợ cấp cả những ngày nghỉ hàng tuần, lễ, Tết.

- Về mức hưởng trợ cấp cho mỗi ngày:

+ Đối với ốm đau bình thường và chăm sóc con ốm: Mức trợ cấp bằng 75% mức tiền lương, tiền công đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc chia cho 26 ngày, sau đó nhân với số ngày thực tế nghỉ việc trong khoảng

thời gian được nghỉ theo quy định. Nếu nghỉ ốm ở tháng đầu tham gia BHXH thì lấy mức lương của chính tháng đó để tính hưởng trợ cấp.

+ Đối với trường hợp bị bệnh dài ngày: Mức trợ cấp bằng 75% mức tiền lương đóng BHXH (trong 180 ngày/năm đầu tiên). Từ ngày thứ 181 trở đi, mức hưởng cụ thể như sau:

✓ Bằng 45% mức tiền lương, tiền công đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc nếu đã đóng BHXH dưới 15 năm.

✓ Bằng 55% mức tiền lương, tiền công đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc nếu đã đóng BHXH từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm.

✓ Bằng 65% mức tiền lương, tiền công đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc nếu đã đóng BHXH đủ 30 năm trở lên.

* Lưu ý: Mức hưởng trợ cấp từ ngày thứ 181 trở đi đối với bệnh dài ngày nếu thấp hơn mức tiền lương tối thiểu thì được hưởng bằng mức lương tối thiểu. Nếu nghỉ lán sang năm mới thì mức trợ cấp được tính từ đầu, với mức hưởng 75%.

- Về thủ tục, hồ sơ

+ Đối với bản thân người lao động:

✓ Sổ Bảo hiểm xã hội.

✓ Giấy ra viện (bản chính hoặc bản sao) hoặc Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH

+ Đối với người lao động mắc bệnh dài ngày:

✓ Sổ Bảo hiểm xã hội.

✓ Giấy ra viện (bản chính hoặc bản sao). Đối với trường hợp có thời gian không điều trị nội trú: Phiếu hội chẩn (bản sao) hoặc Biên bản hội chẩn (bản sao) thể hiện thời gian nghỉ việc để điều trị.

🔍 Quy định về chế độ tai nạn lao động?

Không may con tôi bị tai nạn khi đang thi công xây dựng tại Hà Nội. Phía chủ doanh nghiệp có đến thăm hỏi một lần và đưa gia đình 50 triệu để lo chữa bệnh cho cháu. Song kể từ đó đến nay không thấy đề cập gì nữa. Xin hỏi, pháp luật quy định về chế độ TNLĐ như thế nào. Cháu có tham gia BHXH đầy đủ.

Trả lời:

Trước hết, cần phải nắm được điều kiện được hưởng chế độ tai nạn. Theo quy định hiện hành thì những trường hợp sau được hưởng chế độ:

+ Bị tai nạn tại nơi làm việc và trong giờ làm việc;

+ Ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc (khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động (NSDLĐ));

+ Trên tuyến đường đi từ nơi ở đến nơi làm việc (trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý);

+ Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị tai nạn.

Nếu thuộc diện được hưởng chế độ, thì người lao động được hưởng trợ cấp như sau:

+ Trợ cấp một lần: Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30%.

+ Trợ cấp hàng tháng: Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên.

+ Trợ cấp phục vụ: Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên mà bị liệt cột sống hoặc mù 2 mắt hoặc cụt, liệt 2 chi hoặc bị bệnh tâm thần.

Đồng thời cần phải chuẩn bị hồ sơ giải quyết hưởng chế độ TNLĐ, gồm:

+ Sổ BHXH;

+ Văn bản đề nghị giải quyết chế độ TNLĐ của người sử dụng lao động

+ Biên bản điều tra tai nạn lao động.

+ Giấy ra viện (bản chính hoặc bản sao) sau khi đã điều trị thương tật TNLĐ ổn định đối với trường hợp điều trị nội trú.

+ Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng Giám định y khoa.

+ Trường hợp bị tai nạn giao thông được xác định là TNLĐ thì ngoài các giấy tờ quy định trên, có thêm bản sao Biên bản tai nạn giao thông;

+ Trường hợp bị tai nạn giao thông trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc thì ngoài các giấy tờ quy định trên, có thêm bản sao hộ khẩu thường trú hoặc bản sao giấy đăng ký tạm trú.

Như vậy bạn phải căn cứ vào tỷ lệ thương tật để trao đổi với Công ty và cơ quan bảo hiểm xã hội để đòi quyền lợi cho cháu.



IV. BẢO HIỂM Y TẾ

❓ Có những loại hình bảo hiểm y tế nào?- Không có trong mục lục?

Chị M, kinh doanh hoa quả ở chợ đầu mối Long Biên, Hà Nội hỏi: Tôi nghe nói có bảo hiểm y tế tự nguyện, người thì nói bảo hiểm y tế là bắt buộc. Vậy xin hỏi bảo hiểm y tế hiện nay có những hình thức nào? Như công việc của tôi thì có thể tham gia được không?

Trả lời:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế, có hai loại bảo hiểm y tế bao gồm: các đối tượng phải đóng bảo hiểm y tế bắt buộc và hộ gia đình đóng bảo hiểm y tế tự nguyện.

Đối với đối tượng ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên; người lao động là người quản lý doanh nghiệp hưởng tiền lương; cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi chung là người lao động) bắt buộc phải đóng bảo hiểm y tế theo quy định của luật bảo hiểm, mức đóng hằng tháng của đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Luật này tối đa bằng 6% tiền lương tháng, trong đó người sử dụng lao động đóng 2/3 và người lao động đóng 1/3.

Trong thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về BHXH thì mức đóng hằng tháng tối đa bằng 6% tiền lương tháng của người lao động trước khi nghỉ thai sản và do tổ chức BHXH đóng.

Đối với đối tượng bảo hiểm y tế tự nguyện thì mức đóng hằng tháng tối đa bằng 6% mức lương cơ sở và do đối tượng đóng theo hộ gia đình. Mức đóng cho người thứ hai, thứ ba, thứ tư đóng lần lượt bằng 70%, 60%, 50% mức đóng của người thứ nhất; từ người thứ năm trở đi đóng bằng 40% mức đóng của người thứ nhất.

Như vậy chị hiện đang là lao động tự do thì thuộc đối tượng đóng bảo hiểm y tế tự nguyện. Trình tự thủ tục cụ thể xin xem thêm các câu hỏi ở phần dưới đây.

(Căn cứ: Luật sửa đổi, bổ sung Luật bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014)

❓ Mức hưởng bảo hiểm y tế?

Khi khám chữa bệnh thì người có BHYT được hưởng mức thanh toán như thế nào? Nếu vào khám chữa bệnh trái tuyến thì mức thanh toán hiện nay là bao nhiêu? Tôi nghe nói là được thanh toán mức 70%, có đúng hay không?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 22, Luật BHYT sửa đổi bổ sung năm 2014, người có bảo hiểm y tế nếu đi khám chữa bệnh đúng quy định được hưởng mức thanh toán như sau:

a) 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh;

b) 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp chi phí cho một lần khám bệnh, chữa bệnh thấp hơn mức do Chính phủ quy định và khám bệnh, chữa bệnh tại tuyến xã;

c) 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh khi người bệnh có thời gian tham gia bảo hiểm y tế 5 năm liên tục trở lên và có số tiền cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong năm lớn hơn 6 tháng lương cơ sở, trừ trường hợp tự đi khám bệnh, chữa bệnh không đúng tuyến;

d) 95% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với đối tượng: Người hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng, thân nhân của người có công với cách mạng, người thuộc hộ gia đình cận nghèo;

đ) 80% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với các đối tượng khác.

Trường hợp người có thẻ BHYT tự đi khám bệnh, chữa bệnh không đúng tuyến được quỹ BHYT thanh toán theo mức hưởng quy định nói trên theo tỷ lệ như sau, trừ trường hợp: người dân tộc thiểu số và người thuộc hộ gia đình nghèo tham gia bảo hiểm y tế đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người tham gia bảo hiểm y tế đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo khi tự đi khám bệnh, chữa bệnh không đúng tuyến :

a) Tại bệnh viện tuyến trung ương là 40% chi phí điều trị nội trú;

b) Tại bệnh viện tuyến tỉnh là 60% chi phí điều trị nội trú từ ngày Luật này có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2020; 100% chi phí điều trị nội trú từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trong phạm vi cả nước;

c) Tại bệnh viện tuyến huyện là 70% chi phí khám bệnh, chữa bệnh từ ngày Luật này có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2015; 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

❓ Những trường hợp nào không được bảo hiểm y tế thanh toán các chi phí điều trị?

Tôi bị ung thư máu cấp tính, đã tham gia BHXH và BHYT được 10 năm. Nay tôi phải điều trị lâu dài và rất tốn kém. Xin hỏi điển đàn là trường hợp bệnh của tôi có được bảo hiểm y tế thanh toán hay không?

Trả lời:

Cơ quan BHXH không thanh toán chi phí khám chữa bệnh theo BHYT trong các trường hợp sau:

1. Điều trị bệnh phong.

2. Thuốc đặc hiệu điều trị các bệnh: lao, sốt rét, tâm thần phân liệt, động kinh và các bệnh khác nếu đã được ngân sách nhà nước chi trả thông qua các chương trình y tế quốc gia, các dự án hay các nguồn kinh phí khác.

3. Chuẩn đoán, điều trị HIV/AIDS (trừ các xét nghiệm HIV đối với các trường hợp phải làm theo quy định chuyên môn và các đối tượng được quy định tại Quyết định số 265/2003/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với người bị phơi nhiễm với HIV, bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro trong nghề nghiệp; bệnh lậu, bệnh giang mai)4. Tiêm chủng phòng bệnh, điều dưỡng, an dưỡng, xét nghiệm và chuẩn đoán thai sớm; khám sức khỏe, kể cả khám sức khỏe định kỳ, khám tuyến lao động, tuyển sinh, tuyển nghĩa vụ quân sự; thực hiện các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình và điều trị vô sinh.

5. Chỉnh hình thẩm mỹ và tạo hình thẩm mỹ, làm chân tay giả, mắt giả, răng giả, máy trợ thính.

6. Điều trị các bệnh đã xác định là bệnh nghề nghiệp: TNLĐ(tai nạn trong giờ làm việc, tại nơi làm việc kể cả làm việc ngoài giờ do yêu cầu của người sử dụng lao động; tai nạn ngoài nơi làm việc khi thực hiện theo yêu cầu của người sử dụng lao động, tai nạn trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc; tai nạn chiến tranh; tai nạn do thiên tai.

7. Điều trị các trường hợp tử, cố ý gây thương tích, nghiện chất ma túy hay do thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

8. Các chi phí trong giám định y khoa: giám định y pháp; giám định y pháp tâm thần.

9. Các trường hợp khám chữa bệnh, phục hồi chức năng và sinh đẻ tại nhà.

10. Sử dụng các loại thuốc ngoài danh mục quy định, thuốc theo yêu cầu riêng của người bệnh; sử dụng các phương pháp chữa bệnh chưa được cho phép của Bộ Y tế; các trường hợp tham gia nghiên cứu, thử nghiệm lâm sàng.

Như vậy trường hợp bệnh của anh/ chị vẫn được bảo hiểm y tế chi trả theo đúng quy định hiện hành.

❓ Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện?

Tôi là lao động tự do tại Hà Nội được 5 năm, làm nghề chạy xe ôm ở bến xe Giáp Bát. Nghe anh em bạn bè nói có loại hình dịch vụ bảo hiểm y tế tự nguyện. Vậy đối tượng nào mới được mua loại hình bảo hiểm này?

Trả lời:

Toàn bộ các thành viên trong hộ gia đình có tên trong cùng hộ khẩu mà không thuộc đối tượng đang tham gia Bảo hiểm y tế bắt buộc (các đối tượng được quy định tại Điều 12 Luật bảo hiểm y tế 2008). Căn cứ các điểm d và đ khoản 1 Điều 51 Luật bảo hiểm y tế, kể từ ngày 01/01/2014, mọi đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo quy định tại điều 12 của Luật này sẽ phải tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc nhằm thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.- Luật bảo hiểm y tế mới ?

Đối chiếu với trường hợp của anh thì anh và gia đình thuộc diện được quyền mua bảo hiểm y tế tự nguyện vì anh đang làm nghề lao động tự do không thuộc một trong những đối tượng được bảo hiểm y tế bắt buộc quy định tại Điều 12 Luật bảo hiểm y tế năm 2008 và được sửa đổi năm 2014.

❓ Tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện như thế nào?

Đã rất nhiều lần tôi ra UBND xã đề nghị được mua bảo hiểm y tế theo hình thức tự nguyện nhưng lãnh đạo xã từ chối mà không rõ lý do. Theo tôi hiểu thì dường như xã tôi chưa hiểu và chưa biết về vấn đề này. Xin hỏi thủ tục mua bảo hiểm y tế tự nguyện như thế nào?

Trả lời:

Việc tham gia Bảo hiểm y tế tự nguyện của cá nhân được quy định như sau:

1. Hồ sơ nộp 2 bộ, gồm:

a. Tờ khai tham gia BHYTTN- quy ước viết tắt theo đối tượng nhân dân (theo mẫu)

b. Sổ hộ khẩu hoặc giấy đăng ký tạm trú (trình để đối chiếu)

c. Chứng minh thư nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh (trình để đối chiếu)

2. Cá nhân tham gia BHYT tự nguyện lập tờ khai theo mẫu và xuất trình sổ hộ khẩu hoặc giấy đăng ký tạm trú và CMTND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh cho đại lý thu để kiểm tra đối chiếu.

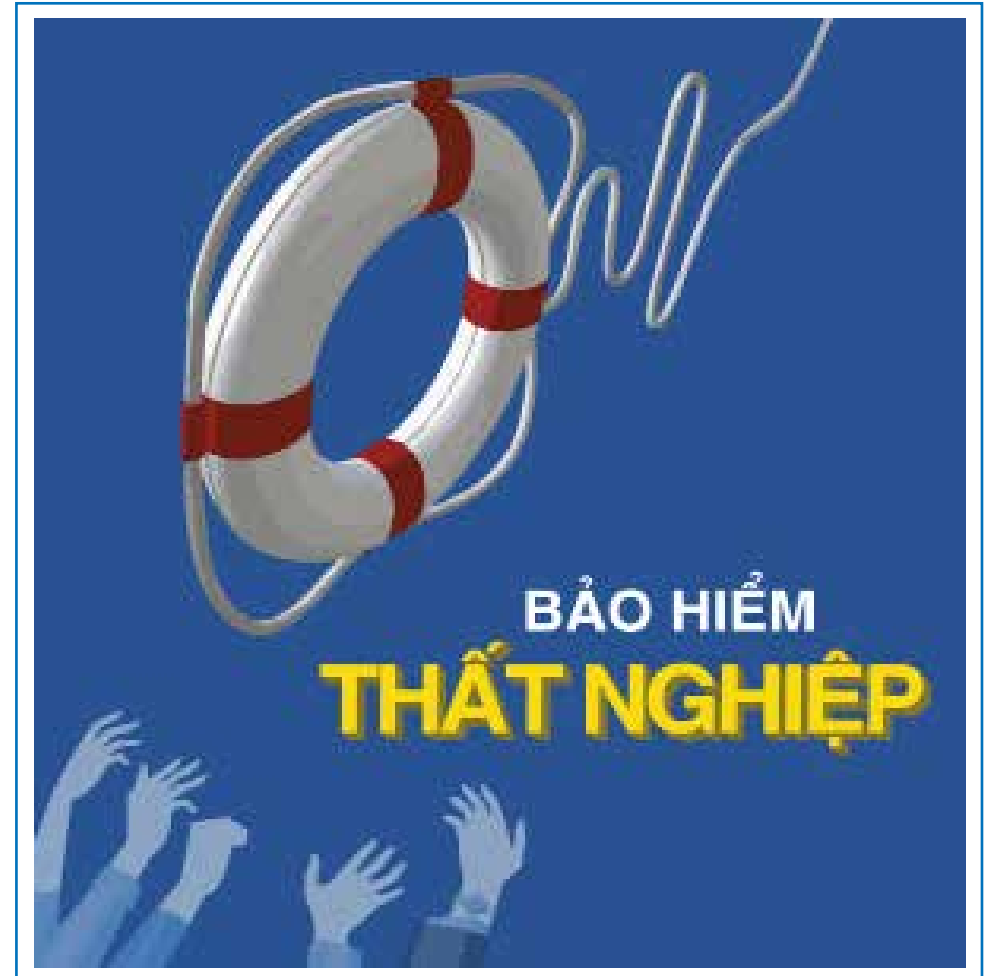
❓ Quyền lợi của người đóng bảo hiểm y tế tự nguyện?

Chưa rõ người mua bảo hiểm y tế tự nguyện có quyền lợi như thế nào?

Trả lời:

Người có thẻ BHYTTN được hưởng các quyền lợi theo quy định sau 30 ngày được cấp thẻ, trừ các trường hợp sử dụng dịch vụ kỹ thuật cao, chi phí lớn; được hưởng các quyền lợi khi sử dụng các dịch vụ kỹ thuật cao, chi phí lớn sau 180 ngày kể từ ngày đóng BHYTTN; hưởng các quyền lợi về chăm sóc thai sản, sinh đẻ sau 270 ngày kể từ ngày đóng BHYT đối với trường hợp tham gia BHYTTN lần đầu hoặc tham gia sau một thời gian gián đoạn vì bất kỳ lý do gì.

Người bệnh có thẻ BHYT có thời gian tham gia liên tục đủ 36 tháng, từ tháng thứ 37 trở đi, khi sử dụng các thuốc điều trị ung thư, thuốc chống thải ghép ngoài danh mục của Bộ Y tế nhưng được phép lưu hành tại Việt Nam thì được cơ quan bảo hiểm xã hội thanh toán 50% chi phí của thuốc này.



IV. BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

❓ Đối tượng được hưởng trợ cấp thất nghiệp?

Tôi quê ở Nghệ An làm giúp việc gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh đến nay đã được 5 năm. Mức lương của tôi là 4 triệu đồng/tháng. Vậy xin hỏi tôi có thuộc đối tượng hưởng bảo hiểm thất nghiệp không?

Trả lời:

Trước hết, muốn được hưởng chế độ bảo hiểm thì người lao động phải tham gia đóng bảo hiểm. Ngoài ra, theo quy định ??? của pháp luật cũng chỉ rõ những đối tượng sau được tham gia bảo hiểm thất nghiệp:

- Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc không xác định thời hạn;
- Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc xác định thời hạn;
- Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng.
- Người giúp việc và người đang hưởng lương hưu không phải đối tượng tham gia BHTN

Như vậy, trường hợp được hỏi không thuộc diện tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Hy vọng trong tương lai sẽ có loại hình bảo hiểm thất nghiệp tự nguyện để những người lao động không có hợp đồng có thể tham gia TÌNH HUỐNG: Mức đóng bảo hiểm thất nghiệp?

❓ Mức đóng bảo hiểm thất nghiệp?

Gần đây khi lĩnh lương tôi mới để ý là trong bảng lương thấy trừ 1% tiền lương của tôi và được giải thích là đóng bảo hiểm thất nghiệp. Tại sao người lao động chúng tôi lại phải đóng nhiều khoản tiền thế. Việc trừ này của công ty là đúng hay sai?

Trả lời:

Việc trừ 1% lương của người lao động để đóng BHTN của công ty anh/chị là đúng quy định. Cụ thể theo Luật Bảo hiểm xã hội và Luật việc làm năm 2013 thì người sử dụng lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động tại tổ chức BHXH trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có hiệu lực.

Hàng tháng, người sử dụng lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp theo mức bằng 1% quỹ tiền lương tháng của những người lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương của từng người lao động để đóng bảo hiểm thất nghiệp.

❓ Điều kiện và thủ tục để hưởng bảo hiểm thất nghiệp?

Tôi hiện đang làm việc ở công ty liên doanh từ năm 2010 với hình thức hợp đồng không thời hạn. Công ty có đóng bảo hiểm đầy đủ trong đó có cả bảo hiểm thất nghiệp. Nay do sụt giảm kinh doanh nên tôi bị mất việc làm. Vậy xin hỏi trong trường hợp này tôi được hưởng trợ cấp thất nghiệp như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định thì những đối tượng sau sẽ được hưởng trợ cấp thất nghiệp:

- Người lao động đã đóng BHTN đủ 12 tháng trở lên trong vòng 24 tháng trước khi bị mất việc làm hoặc chấm dứt HĐLĐ theo quy định của pháp luật lao động, hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;
- Đã đăng ký với Trung tâm giới thiệu việc làm khi bị mất việc làm, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc;
- Chưa tìm được việc làm sau 15 ngày (tính theo ngày làm việc) kể từ ngày đăng ký thất nghiệp với trung tâm giới thiệu việc làm theo quy định;
- Tháng liền kề trước khi có quyết định thôi việc đã đóng BHTN

Ngoài ra, người lao động bị thất nghiệp còn phải đảm bảo:

- Đã hoàn thiện và nộp hồ sơ hưởng BHTN trong vòng 15 ngày (tính theo ngày làm việc) kể từ khi đăng ký thất nghiệp,
- Không thuộc đối tượng đang hưởng lương hưu

❓ Quyền lợi khi tham gia bảo hiểm thất nghiệp?

Khi tham gia bảo hiểm thất nghiệp thì người lao động được hưởng những quyền lợi gì?

Trả lời:

Được hưởng trợ cấp thất nghiệp

- Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp: NLĐ được hưởng TCTN hàng tháng bằng 60% mức bình quân tiền lương, tiền công hàng tháng đóng BHTN của 6 tháng liền kề trước khi bị mất việc làm hoặc chấm dứt HĐLĐ hoặc hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật. Cứ đóng đủ 12 tháng đến đủ 36 tháng thì được hưởng 03 tháng trợ cấp thất nghiệp, sau đó, cứ đóng đủ thêm 12 tháng thì được hưởng thêm 01 tháng trợ cấp thất nghiệp nhưng tối đa không quá 12 tháng.

- Thời điểm được hưởng: Tính từ ngày thứ 16 kể từ ngày đăng kí thất nghiệp nếu đảm bảo đầy đủ các điều kiện và thủ tục

➤ Được hưởng hỗ trợ học nghề

- + NLĐ đang hưởng TCTN có nhu cầu học nghề được hỗ trợ học nghề thực hiện thông qua các cơ sở dạy nghề. Không hỗ trợ bằng tiền để NLĐ tự học

- + Mức hỗ trợ học nghề cho NLĐ đang hưởng TCTN bằng mức chi phí học nghề trình độ sơ cấp theo quy định của pháp luật về dạy nghề

- + Trường hợp NLĐ đang hưởng TCTN có nhu cầu học nghề với mức chi phí cao hơn thì phần vượt quá do NLĐ chi trả

- + Thời gian được hỗ trợ học nghề phụ thuộc vào thời gian đào tạo nghề của từng nghề và từng NLĐ, nhưng không quá 6 tháng. Thời gian bắt đầu để được hỗ trợ học nghề tính từ ngày NLĐ được hưởng TCTN hàng tháng

- + Trong thời gian hưởng TCTN theo quy định, nếu NLĐ có nhu cầu học nghề thì phải làm đơn đề nghị hỗ trợ học nghề

- + Trường hợp NLĐ đã hưởng hết thời gian được hưởng TCTN theo quy định mà vẫn tiếp tục học nghề hoặc mới tham gia học nghề theo quyết định của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội thì vẫn được hỗ trợ cho đến hết thời gian học nghề

➤ Được hỗ trợ tìm việc làm

- + Được TTGTVL tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí. Việc hỗ trợ tìm việc làm phải phù hợp với trình độ đào tạo, kinh nghiệm làm việc của NLĐ

- + Thời gian NLĐ được hưởng TCTN được TTGTVL hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm tính từ ngày NLĐ được hưởng trợ cấp TN hàng tháng và không quá tổng thời gian mà NLĐ đó được hưởng TCTN theo quyết định của Giám đốc Sở LĐTB&XH.

➢ Được có BHYT

+ Tổ chức BHYT đóng BHYT cho người đang hưởng TCTN

+ NLĐ đang hưởng TCTN hàng tháng được hưởng chế độ BHYT theo quy định của pháp luật về BHYT. Trường hợp chấm dứt hưởng TCTN thì NLĐ không được hưởng BHYT và phải trả lại thẻ cho tổ chức BHYT theo hướng dẫn của BHXH Việt Nam.

❓ Thủ tục, hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp?

Tôi có một câu hỏi như sau: Vào ngày 15/3/2015 lãnh đạo công ty thông báo cắt giảm công nhân và 45 ngày sau chúng tôi phải nghỉ. Vậy để lĩnh tiền bảo hiểm thất nghiệp thì cần phải làm như thế nào?

Trả lời:

Về thủ tục, hồ sơ

➢ Khai vào đơn đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

➢ Bản sao hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc quyết định thôi việc hoặc xác nhận của đơn vị cuối cùng trước khi thất nghiệp về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo đúng quy định pháp luật.

➢ Đồng thời, người lao động phải xuất trình sổ BHXH có xác nhận của cơ quan BHXH về việc đóng BHYT hoặc bản xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội về việc đóng BHYT.

Người lao động phải trực tiếp nộp đầy đủ hồ sơ hưởng thất nghiệp trong thời hạn 15 ngày tính theo ngày làm việc kể từ ngày đăng ký thất nghiệp (ngày thứ nhất trong thời hạn 15 ngày là ngày làm việc ngay sau ngày người lao động đăng ký thất nghiệp).

❓ Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định tại Luật việc làm năm 2013?

Ông Trần Văn T (Bình Dương) bắt đầu làm việc tại công ty ngày 1/1/2009, sau 2 tháng thử việc được ký hợp đồng chính thức. Mức lương cơ bản hiện tại của ông T là 10.350.000 đồng, tổng thu nhập là 17.000.000 đồng sau khi trừ tiền bảo hiểm. Nếu ông T nghỉ việc vào ngày 30/5/2015 thì trợ cấp thất nghiệp được tính như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật việc làm (có hiệu lực từ ngày 1/1/2015) thì mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng bằng 60% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 6 tháng liền kề trước khi thất nghiệp nhưng tối đa không quá 5 lần mức lương cơ sở đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định hoặc không quá 5 lần mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Bộ luật Lao động đối với người lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc.

Như vậy, mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng của ông T bằng 60% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 6 tháng liền kề trước khi ông T nghỉ việc.

❓ Chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định mới năm 2015?

Ông Trần Tuấn M làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh có hỏi: Tôi nghỉ việc ở công ty vào tháng 12/2014 và đến ngày 10/01/2015 nộp hồ sơ đăng ký bảo hiểm thất nghiệp ở Trung tâm giới thiệu việc làm. Sau đó ngày 20/01/2015 được hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng. Một tháng sau tôi tìm được việc làm và đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp một lần cho những tháng còn lại thì được trả lời là không được lĩnh nữa. Thế nhưng ông cùng làm với tôi, nghỉ trước tôi một tháng, nộp hồ sơ trước tôi một tháng tức là khoảng 15/12/2014 thì lại được lĩnh một lần sau khi tìm được việc làm mới. Vậy vấn đề này là đúng hay sai? Sao hai người giống nhau mà có cách giải quyết khác nhau đến vậy?

Trả lời:

Đúng là cùng một vấn đề tương giống nhau nhưng lại khác nhau do thời điểm phát sinh vấn đề. Cụ thể từ ngày 01/01/2015, Luật việc làm bắt đầu có hiệu lực và từ thời điểm này các vấn đề phát sinh liên quan đến bảo hiểm thất nghiệp sẽ được áp dụng theo Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối chiếu với trường hợp của ông cho thấy, bạn cùng nghỉ việc làm như ông nhưng lại nộp hồ sơ vào ngày 15/12/2014, như vậy vẫn áp dụng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm thất nghiệp. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 39 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của

Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp thì người lao động đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trước ngày 1/1/2015 thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm thất nghiệp; Nghị định số 100/2012/NĐ-CP ngày 21/11/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP nêu trên. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 nêu trên thì người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp thuộc trường hợp có việc làm sẽ được hưởng khoản trợ cấp một lần bằng giá trị của tổng trợ cấp thất nghiệp của số thời gian được hưởng trợ cấp thất nghiệp còn lại theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Bảo hiểm xã hội.

Như vậy, trường hợp của bạn ông vì nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trước ngày 1/1/2015 nên được hưởng khoản trợ cấp 1 lần nếu có việc làm theo các quy định nêu trên (Nghị định số 127/2008/NĐ-CP hết hiệu lực thi hành từ ngày 1/5/2015).

Đối với những hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp nộp từ ngày 1/1/2015 thì theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 53 Luật Việc làm thì người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp khi tìm được việc làm.

Theo Khoản 4 Điều 53 Luật Việc làm, người lao động bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp thuộc trường hợp tìm được việc làm được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp làm căn cứ để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp cho lần tiếp theo khi đủ điều kiện quy định tại Điều 49 của Luật này.

Thời gian bảo lưu được tính bằng tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp trừ đi thời gian đóng đã hưởng trợ cấp thất nghiệp, theo nguyên tắc mỗi tháng đã hưởng trợ cấp thất nghiệp tương ứng 12 tháng đã đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Như vậy, trường hợp của ông vì nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp sau ngày 1/1/2015 do vậy sẽ bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp khi có việc làm và được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp làm căn cứ để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp cho lần tiếp theo theo các quy định nêu trên.

PHỤ LỤC

Danh mục văn bản pháp luật tham khảo

NHÀ Ở

- ☞ Bộ luật dân sự 2005
- ☞ Luật nhà ở số 56/2005/QH11
- ☞ Nghị quyết 18/NQ-CP về một số cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh phát triển nhà ở cho học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo và nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp tập trung, người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị
- ☞ Nghị định 71/2010/NĐ – CP của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở.
- ☞ Nghị định số 118/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ Về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;
- ☞ Thông tư 03/2014/TT-BXD ngày 20/02/2014 của Bộ Xây dựng V/v sửa đổi bổ sung điều 21 của Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01/9/2010 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở;
- ☞ Thông tư 13/2009/TT-BXD hướng dẫn việc cho thuê, quản lý vận hành nhà ở sinh viên và nhà ở công nhân khu công nghiệp

ĐĂNG KÝ TẠM TRÚ

- ☞ Luật cư trú năm 2006 sửa đổi, bổ sung năm 2013
- ☞ Nghị định 31/2014/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết và biện pháp thi hành Luật Cư trú
- ☞ Nghị định 90/2010/NĐ-CP quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
- ☞ Thông tư 35/2014/TT-BCA hướng dẫn Luật Cư trú và Nghị định 31/2014/NĐ-CP
- ☞ Thông tư 80/2011/TT-BCA Quy định về quy trình đăng ký cư trú do Bộ Công an ban hành
- ☞ Văn bản hợp nhất 03/VBHN-VPQH năm 2013 Luật cư trú

SỔ TAY TÌM HIỂU VỀ AN SINH XÃ HỘI

HỘ TỊCH

- ☞ Nghị định số 06/2012/NĐ – CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực
- ☞ Nghị định số 158/2005/NĐ – CP về đăng ký, quản lý hộ tịch
- ☞ Văn bản hợp nhất 8013/VBHN - BTP

BẢO HIỂM XÃ HỘI

- ☞ Luật bảo hiểm xã hội năm 2006
- ☞ Thông tư liên tịch số 14/2013/TTLT-BLĐTBXH- BQP-BCA Hướng dẫn thực hiện Khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm thất nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 100/2012/NĐ-CP
- ☞ Thông tư số 01/2013/TT-BLĐTBXH Quy định mức điều chỉnh tiền lương, tiền công và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội

BẢO HIỂM Y TẾ

- ☞ Luật bảo hiểm y tế 2008 sửa đổi năm 2014
- ☞ Thông tư liên tịch số 39/2011/TTLT-BYT-BTC Hướng dẫn thủ tục thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với người tham gia bảo hiểm y tế bị tai nạn giao thông
- ☞ Thông tư số 19/2010/TT-BTC Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp lại và đổi thẻ bảo hiểm y tế
- ☞ Thông tư số 09/2009/TTLT-BYT-BTC Hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế
- ☞ Thông tư số 10/2009/TT-BYT Hướng dẫn ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế
- ☞ Nghị định 62/2009/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế

BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

- ☞ Luật việc làm số 38/2013/QH13
- ☞ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm hiểm thất nghiệp

Chủ biên

DƯƠNG THỊ VIỆT ANH

Giám đốc Điều hành

Trung tâm Phát triển và Hội nhập

Nhóm biên soạn

KIM THỊ THU HÀ

ĐÌNH HÀ AN

TRỊNH LINH CHI

NGUYỄN THỊ NGỌC

Hiệu đính

Luật sư- Thạc sĩ Hoàng Nguyên Bình

Văn phòng Luật sư Bình An

Thiết kế mỹ thuật

Công ty trách nhiệm hữu hạn in ấn
và quảng cáo thương mại Khánh Dung

In 200 cuốn, khổ 15 x 21 cm

In tại Công ty In Khánh Dung, số 82 ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, Hà Nội.
Số xác nhận ĐKXB: 1647 - 2015 /CXBIPH/41 - 37/HĐ. QĐXB số: 1517 /QĐ-NXBHĐ
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-86-6304-9

**TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP
CENTER FOR DEVELOPMENT AND INTEGRATION**

Tầng 14, số 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: +84 4 3538 0100 / Fax: +84 4 3537 7479

Website: www.cdfvietnam.org

10th floor, 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa Ward, Cầu Giấy District, Hanoi

Tel: +84 4 3538 0100 / Fax: +84 4 3537 7479

Website: www.cdfvni.org